

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21-09-2023

“V/v tranh chấp ly hôn giữa chị Ngô

Thị T và anh Nguyễn Hồng A”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm

2. Bà Phạm Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1990; ĐKTT: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện tại: Thôn N, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng A, sinh năm 1986; ĐKTT Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện ở: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa chị Ngô Thị T có mặt, anh Nguyễn Hồng A vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng A tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/8/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Q một thời gian sau đó vợ chồng làm ăn, sinh sống tại Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Hồng A thường xuyên đánh chửi chị, xúc phạm chị và gia đình chị. Mâu thuẫn càng tăng, từ tháng 6/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn N, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng sinh sống cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh Hồng A.

Về con chung: Chị T khai, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/4/2013. Hiện cả hai con chung đang ở với anh Hồng A. Ly hôn chị đề hai con chung cho anh Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị nhận cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 con/tháng. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hồng A: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Hồng A vắng mặt không có lý do, Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho gia đình anh Hồng A, nhưng anh Hồng A vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng.

Kết quả xác minh với gia đình anh Hồng A và tại địa phương thôn Q, xã Q và thôn B, xã Q được cung cấp: Anh Hồng A hiện tại có hộ khẩu thường trú tại xã Q nhưng làm ăn sinh sống tại thôn Q, xã Q. Anh Hồng A làm nghề sơn nhà, hàng ngày đi làm từ sáng sớm đến tối mới về. Gia đình đã thông báo các thủ tục của Tòa án về việc Chị T xin ly hôn, quan điểm của anh Hồng A là không đồng ý ly hôn, anh nhận nuôi cả hai con chung và đề nghị Tòa án giải quyết về mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật của bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng A. Giao hai con chung Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/4/2013 cho anh Nguyễn Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh Hồng A là 1.000.000 đồng/con/tháng. không đặt ra giải quyết về phân chia tài sản; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hồng A có nơi cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, căn cứ các điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị đơn là anh Nguyễn Hồng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Hồng A xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 09/8/2010 là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của Chị T cho thấy, do không chấp nhận việc anh Hồng A thường xuyên đánh chửi chị, xúc phạm chị và gia đình chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và thực tế Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T huyện V thành phố Hải Phòng sinh sống từ tháng 6/2022 cho đến nay. Quá trình ly thân, vợ chồng không hỏi han, quan tâm đến nhau. Theo xác minh với gia đình anh Hồng A và chính quyền địa phương thôn Q, xã Q và thôn B, xã Q thì giữa Chị T và anh Hồng A chỉ có mâu thuẫn nhỏ còn có nguyên nhân sâu xa gì thì gia đình và địa phương không nắm rõ, chỉ biết Chị T đã bỏ về nhà đẻ từ khoảng giữa năm 2022 cho đến nay, không thấy chị T về sinh sống cùng anh Hồng A nữa. Nay chị T xin ly hôn, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh Hồng A, mặc dù anh Hồng A không muốn ly hôn nhưng anh Hồng A không đến Tòa án tham gia tố tụng. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị thực sự không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Hồng A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Hồng A có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/4/2013. Anh Hồng A có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, cháu T, cháu G cũng đều có nguyện vọng ở với bố. Bản thân Chị T cũng nhất trí để hai con chung cho anh Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong suốt thời gian ly thân, hai con chung đều ở với anh Hồng A được anh Hồng A chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, các cháu được đi học và phát triển bình thường. Do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho hai con chung, cần giao cả hai con chung cho anh Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Hồng A yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, Chị T nhận trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/con/tháng. Xét chị T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng mà chị T tự nguyện nhận là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản: Chị Ngô Thị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản; quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hồng A vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh Hồng A, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Hồng A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng A.
2. Về con chung: Xử giao hai con chung Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/4/2013 cho anh Nguyễn Hồng A được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung

cho anh Hồng A mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Ngô Thị T có quyền thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) Chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005890 ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Hồng A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Phụng